

Số: 1930/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch nông thôn
gắn với Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính
trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính
phủ ban hành Chương trình Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số
08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở
thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát
triển thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Tỉnh ủy
Kiên Giang về phát triển du lịch của tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng
đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần XI, nhiệm kỳ 2020-
2025;

Căn cứ Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của UBND
tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm
2021 - 2025 tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chủ
tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề cương Đề án “Phát triển du lịch nông thôn gắn với



Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 48/TTr-SDL ngày 25 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” (đính kèm Đề án) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đề án: Phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Quan điểm xây dựng Đề án

Phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP trên quan điểm phát huy giá trị bản địa, sức mạnh và tiềm lực nội tại của địa phương, tăng cường liên kết. Phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP trên quan điểm xây dựng sản phẩm du lịch đáp ứng bộ tiêu chí OCOP, đạt được sự hài lòng của du khách, khách hàng, kéo dài thời gian du lịch, tăng doanh thu và đảm bảo tính bền vững trong tương lai.

3. Mục tiêu Đề án

a) Mục tiêu chung

Đề án Phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP được thực hiện với mục tiêu phát huy hiệu quả giá trị bản địa, góp phần khai thác tiềm năng về du lịch tại khu vực nông thôn theo hướng bền vững, phát triển cơ sở hạ tầng, thu nhập và hiện trạng kinh tế - xã hội ở các khu vực nông thôn, nâng cao cuộc sống người nông dân, phát triển kinh tế nông nghiệp, góp phần thực hiện thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình OCOP.

b) Mục tiêu cụ thể

- Nhận diện tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch nông thôn tỉnh Kiên Giang.
- Nhận diện tiềm năng phát triển du lịch nông thôn gắn với chương trình OCOP tỉnh Kiên Giang.
- Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP tỉnh Kiên Giang.
- Đề xuất giải pháp phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP tỉnh Kiên Giang.

c) Các chỉ tiêu phấn đấu

- Tất cả các điểm du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh được triển khai Đề án và hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

- Các vùng du lịch đều có kế hoạch triển khai Đề án và hỗ trợ chuẩn hóa đối với các điểm du lịch nông thôn có tiềm năng theo bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

- Các điểm du lịch nông thôn, chủ thể các mô hình được học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau và nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn thành công, được đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

- Đến năm 2025: Có ít nhất 04 điểm du lịch nông thôn được tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP từ 3 - 4 sao, định hướng 5 sao.

- Đến năm 2030: Có ít nhất 12 điểm du lịch nông thôn được tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP từ 3 - 4 sao, trong đó có sản phẩm được tham gia, đánh giá phân hạng 5 sao quốc gia.

4. Các nhóm giải pháp thực hiện

a) Nhóm giải pháp về sản phẩm và sức mạnh cộng đồng

Tạo điều kiện để các địa phương hình thành các mô hình quản lý về du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng như: Mô hình các doanh nghiệp do cộng đồng cùng sở hữu và điều hành (doanh nghiệp cộng đồng, doanh nghiệp xã hội); mô hình liên doanh giữa cộng đồng và doanh nghiệp tư nhân; mô hình liên kết giữa các cư dân địa phương tham gia vào hoạt động kinh doanh du lịch với nhau thành lập một đơn vị điều hành (Hợp tác xã, Ban quản lý, Tổ tự quản, Hội quán, ...).

Đẩy mạnh nhận thức của các bên liên quan trong việc nhận diện tài nguyên du lịch nông thôn tại địa phương, phát triển các ý tưởng về sản phẩm và khai thác các tài nguyên để hình thành dịch vụ du lịch nông thôn theo hình thức liên kết chuỗi giá trị. Phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của địa phương vào sản phẩm du lịch để nâng cao tính độc đáo, lợi thế cạnh tranh. Xây dựng phương án phát triển sản phẩm gắn với các thị trường mục tiêu để tạo ra hiệu quả kinh tế và tăng trưởng doanh thu.

Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực du lịch theo cơ cấu hợp lý, bảo đảm số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh việc nghiên cứu và đề xuất chính sách khuyến khích thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động toàn diện, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch cả về quản lý nhà nước, vận động đoàn viên, thanh niên mạnh dạn đầu tư.

b) Nhóm giải pháp về khả năng tiếp thị

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách ứng dụng công nghệ số trong xúc tiến, quảng bá du lịch, bảo đảm thực hiện thống nhất, chuyên nghiệp, hiệu quả; phát huy sức mạnh của truyền thông và tăng cường quảng bá trên mạng xã hội.

Định hướng quảng bá toàn chuỗi giá trị du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP. Mở rộng liên doanh liên kết với các tỉnh, các vùng lân cận để trao đổi thông tin thị trường, xây dựng hệ thống dự báo thị trường, tìm kiếm đối tác, ... để thúc đẩy du lịch nông thôn phát triển; kêu gọi, xúc tiến đầu tư, khuyến khích các

thành phần kinh tế đầu tư phát triển hạ tầng và sản phẩm du lịch.

Xây dựng thương hiệu du lịch gắn với sản vật địa phương, xây dựng câu chuyện truyền thông, marketing thương hiệu mang lại hiệu quả thiết thực cho ngành du lịch địa phương nói chung và du lịch nông thôn nói riêng.

c) Nhóm giải pháp về chất lượng sản phẩm

Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch nông thôn gắn liền với xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, phát triển cảnh quan, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn di sản văn hoá địa phương. Kêu gọi đầu tư, phát triển các dịch vụ bổ sung cho du lịch nông thôn cũng như quan tâm nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các hoạt động trải nghiệm cho du khách để kéo dài thời gian lưu trú và tăng doanh thu cho ngành du lịch. Chú ý các vấn đề an toàn, an ninh trật tự cho du khách tại điểm đến. Chuyên nghiệp hoá chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân lực du lịch.

Gắn chất lượng sản phẩm với nhu cầu thị trường và các yêu cầu trong Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Xây dựng bản đồ các điểm du lịch nông thôn được đánh giá, phân hạng, tăng cường khai thác ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại để quảng bá chất lượng sản phẩm du lịch nông thôn.

5. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí: **30.650.622.850 đồng** (*ba mươi tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi đồng*), trong đó:

Nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước: **16.955.022.850 đồng**.

Nguồn vốn đối ứng xã hội hóa: **13.695.600.000 đồng**.

Phân bổ nguồn vốn theo nội dung và theo năm: Theo Phụ lục 1 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Du lịch

Là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với Đề án này và quy định hiện hành.

Thường xuyên chủ trì hoặc phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án tại từng địa phương, đơn vị, tham mưu, đề xuất phương án xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Đẩy mạnh việc trao đổi kinh nghiệm giữa nông dân các vùng tham gia vào du lịch nông thôn nhằm giúp nông dân có thêm những ý tưởng mới về hoạt động kinh doanh du lịch.

Tổ chức các sự kiện xúc tiến và quảng bá du lịch nông thôn. Trong đó, các

tỉnh chú trọng đến việc kết nối với các trung tâm lớn của cả nước đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng hình ảnh điem đến.

2. Sở Văn hóa và Thể thao

Phối hợp với Sở Du lịch và các sở, ngành liên quan, tham mưu cơ chế chính sách để khuyến khích phát triển du lịch nông thôn gắn với giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương. Có biện pháp bảo vệ, tôn tạo các công trình, di tích lịch sử, văn hóa tại khu vực nông thôn đang được đề xuất phát triển du lịch nông thôn nhằm hỗ trợ ngành du lịch khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch văn hóa.

Tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn các nhà đầu tư về thủ tục, hồ sơ thuộc ngành quản lý.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Du lịch và các sở, ngành liên quan tham mưu cơ chế chính sách để khuyến khích phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; kêu gọi các nhà đầu tư có tiềm năng để đầu tư phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng theo quy hoạch được duyệt. Lồng ghép các nội dung phát triển du lịch với chương trình phát triển nông thôn mới, phát triển ngành nghề nông thôn; tăng cường xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp sạch gắn với phát triển du lịch nông thôn, du lịch sinh thái.

Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp có chất lượng, đa dạng, khác biệt, có giá trị gia tăng cao và tăng trải nghiệm cho khách du lịch dựa trên lợi thế về tài nguyên của tỉnh, địa phương, phù hợp với nhu cầu thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh. Từ đó, hình thành các chuỗi liên kết các sản phẩm du lịch nông nghiệp tăng giá trị cho chính sản phẩm cũng như tạo nguồn thu nhập cao cho hộ tham gia vào du lịch nông nghiệp.

Tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn các nhà đầu tư về thủ tục, hồ sơ thuộc ngành quản lý.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch và các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; kêu gọi các nhà đầu tư, đầu tư xây dựng các dự án phục vụ phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

Sở Tài chính phối hợp với Sở Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan trong khả năng ngân sách hàng năm.

6. Sở Công Thương

Chủ trì, triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đối với các cơ sở xây dựng du lịch gắn với nông thôn mới, hoàn thiện hạ tầng các làng nghề trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Sở Du lịch, các địa phương để phát triển sản phẩm tiêu thủ công nghiệp,... gắn với phát triển du lịch.

Nghiên cứu lựa chọn, đề xuất một số sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh để trưng bày và giới thiệu với du khách tại những địa điểm có nhiều khách du lịch đến tham quan; lồng ghép xúc tiến thương mại với xúc tiến quảng bá du lịch, phối hợp xây dựng các chương trình du lịch kết hợp với các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp

Thường xuyên kiểm tra, xử lý việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết, chất lượng hàng hóa và các nội dung khác liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn, tạo thuận lợi trong việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện các mô hình đầu tư vào lĩnh vực du lịch.

Kiểm tra, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường và xử lý chất thải tại các điểm du lịch, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, ổn định và bền vững.

Kiểm tra, giám sát các dự án nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất kinh doanh khác có ảnh hưởng đến môi trường để có phương án xử lý kịp thời, đúng pháp luật và đảm bảo phát triển bền vững.

8. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Du lịch và các sở, ngành, địa phương có liên quan trong xây dựng các điểm du lịch, các mô hình du lịch đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Du lịch và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức đào tạo bồi dưỡng, tập huấn các dự án du lịch cộng đồng và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ, phát triển du lịch cộng đồng của tỉnh.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch các đơn vị liên quan xây dựng dự án bản đồ số hóa các điểm du lịch nông thôn. Ứng dụng công nghệ trong quảng bá, xúc tiến du lịch nông thôn.

Chỉ đạo, hướng dẫn Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan thông tấn báo chí thường trú trên địa bàn tỉnh tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, vị trí của du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, qua đó kêu gọi đầu tư phát triển du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng.

Phối hợp với Sở Du lịch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển du lịch; chủ trì tham mưu việc phủ sóng Wifi miễn phí tại các khu du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh.



11. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với Sở Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ để hỗ trợ phục vụ phát triển du lịch, nâng cao khả năng kết nối giao thông tới các khu, điểm du lịch. Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, phục vụ hành khách.

12. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp cùng với các sở, ngành liên quan hỗ trợ hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP. Đồng thời, hướng dẫn doanh nghiệp khai thác có hiệu quả tài sản trí tuệ và tự bảo vệ thương hiệu của mình.

13. Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tấn báo chí thường trú tại địa phương

Đưa tin về hoạt động du lịch của tỉnh, chính sách khuyến khích, ưu đãi thu hút đầu tư phát triển du lịch, giới thiệu sản phẩm tiêu biểu của các địa phương nhằm tạo điều kiện cho liên kết phát triển sản phẩm du lịch; hỗ trợ các sở, ban, ngành đưa tin về các sự kiện liên quan du lịch diễn ra trên địa bàn tỉnh, xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện báo chí để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về phát triển du lịch, quảng bá hình ảnh tỉnh nhà.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Tổ chức đoàn thể

Thường xuyên quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo các cấp hội thành viên căn cứ vào Đề án phối hợp xây dựng kế hoạch phù hợp với thực tế của địa phương và mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

15. Hiệp hội Du lịch Kiên Giang

Phối hợp Sở Du lịch xây dựng liên kết phát triển du lịch gắn với sản phẩm OCOP - doanh nghiệp - chính quyền. Hỗ trợ nghiên cứu về các thị trường khách, đóng góp cho việc xây dựng phát triển du lịch gắn với Chương trình OCOP phù hợp với các đối tượng khách khác nhau.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ tình hình thực tế của các địa phương tổ chức thực hiện Đề án theo đúng quy định. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức kinh tế, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thực hiện có hiệu quả Đề án

Tổ chức quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc xây dựng các sản phẩm nông nghiệp đặc sắc, độc đáo theo đúng quy định, đảm bảo đúng lộ trình, tránh phát triển ô ạt, phát triển “nóng”, đảm bảo tính bền vững. Hàng năm, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Đề án để có phương án bổ sung kịp thời.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. *lql*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở Du lịch (05b);
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng: KGVX, KT, TH;
- Lưu: VT, ltram (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



lql

Nguyễn Lưu Trung



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 1

Bảng tổng hợp khái toán kinh phí triển khai Đề án đến năm 2030

(Đính kèm Quyết định số: 1930/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Thành tiền	Cơ cấu nguồn vốn		Năm					
			Vốn NSNN	Vốn đối ứng	2022	2023	2024	2025	2026 - 2030	
1	Tổ chức Hội nghị về phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP cấp tỉnh, công bố Đề án	118.800.000	118.800.000	-	118.800.000					
2	Tập huấn về phát triển du lịch nông thôn, bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP nhóm số 6	259.664.000	259.664.000	-	259.664.000					
3	Xây dựng và ban hành hướng dẫn về phát triển du lịch nông thôn, bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP nhóm số 6	265.674.000	265.674.000	-	265.674.000					
4	Khảo sát hiện trạng, đề xuất lựa chọn 4 điểm du lịch nông thôn	147.569.000	147.569.000	-		147.569.000				



STT	Nội dung công việc	Thành tiền	Cơ cấu nguồn vốn		Năm				
			Vốn NSNN	Vốn đối ứng	2022	2023	2024	2025	2026 - 2030
5	Chi ngân sách hỗ trợ 50% chi phí chuẩn hóa, phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP	8.080.000.000	4.040.000.000	4.040.000.000		8.080.000.000 (Trong đó vốn đối ứng: 4.040.000.000)			
6	Tổ chức các hoạt động học tập, chia sẻ kinh nghiệm phát triển du lịch nông thôn gắn với chương trình OCOP	149.100.000	149.100.000	-		74.550.000	74.550.000		
7	Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	365.350.000	365.350.000	-				365.350.000	
8	Tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá triển khai đề án giai đoạn 2022 - 2025	118.800.000	118.800.000	-				118.800.000	
9	Khảo sát hiện trạng, đề xuất lựa chọn 8 điểm du lịch nông thôn	323.138.000	323.138.000	-					323.138.000
10	Chi ngân sách hỗ trợ 50% chi phí chuẩn hóa, phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP	16.160.000.000	8.080.000.000	8.080.000.000					16.160.000.000 (Trong đó vốn đối ứng: 8.080.000.000)
11	Hội nghị nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP thành công	153.100.000	153.100.000	-					153.100.000

STT	Nội dung công việc	Thành tiền	Cơ cấu nguồn vốn		Năm				
			Vốn NSNN	Vốn đối ứng	2022	2023	2024	2025	2026 - 2030
12	Tổ chức các hoạt động học tập, chia sẻ kinh nghiệm phát triển du lịch nông thôn gắn với chương trình OCOP	149.100.000	149.100.000	-					149.100.000
13	Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	715.350.000	715.350.000	-					715.350.000
14	Tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá triển khai đề án giai đoạn 2025 - 2030	118.800.000	118.800.000	-					118.800.000
	Tổng cộng dự toán	27.124.445.000	15.004.445.000	12.120.000.000	644.138.000	8.302.119.000	74.550.000	484.150.000	17.619.488.000
	Chi phí quản lý (3%)	813.733.350	450.133.350	363.600.000	19.324.140	249.063.570	2.236.500	14.524.500	528.584.640
	Chi phí dự phòng (10%)	2.712.444.500	1.500.444.500	1.212.000.000	64.413.800	830.211.900	7.455.000	48.415.000	1.761.948.800
	Tổng cộng thực tế	30.650.622.850	16.955.022.850	13.695.600.000	727.875.940	9.381.394.470	84.241.500	547.089.500	19.910.021.440